

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1271*/2014/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày *17* tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố, niêm yết
công khai TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện
kiểm soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/2/2004;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC (TTHC); Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn hoạt động thống kê của ngành Tư pháp;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC;

Xét đề nghị của Sở Tư pháp tại Tờ trình số 35/TTr-STP ngày 22/5/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp công bố, niêm yết công khai TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

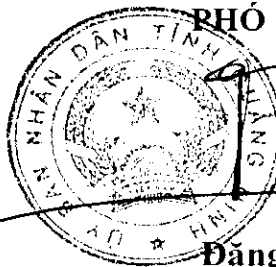
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2995/2011/QĐ-UBND ngày 23/9/2011 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế phối hợp công bố công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *VS*

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ TP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ TP;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
(để báo cáo)
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- V0, V1;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Ninh,
Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, TH4.
- 56 bản - QĐ11

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Huy Hậu
Đặng Huy Hậu



QUY CHẾ

**Phối hợp công bố, niêm yết công khai TTHC và báo cáo
về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC thuộc thẩm quyền giải
quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1271/2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2014 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I

CÔNG BỐ, NIÊM YẾT CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Mục 1

CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định trách nhiệm, mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc công bố, niêm yết công khai TTHC thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố (gọi chung là UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (gọi chung là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Quy chế này không điều chỉnh việc công bố, công khai TTHC trong nội bộ của từng cơ quan nhà nước, giữa các cơ quan nhà nước với nhau không liên quan đến việc giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức; thủ tục xử lý vi phạm hành chính; thủ tục thanh tra và TTHC có nội dung bí mật nhà nước.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu công bố TTHC

1. Mục đích công bố TTHC

Đảm bảo thực hiện đầy đủ, chính xác, đồng bộ, thống nhất, minh bạch và kịp thời các quy định về TTHC; tạo điều kiện cho tổ chức, công dân thực hiện TTHC nhanh chóng, thuận lợi; đồng thời cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhân dân kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC của cán bộ, công chức, góp phần phòng, chống tiêu cực, củng cố lòng tin của nhân dân đối với các cấp chính quyền.

2. Yêu cầu công bố TTHC

a) TTHC được công bố phải đúng thẩm quyền, theo quy trình chặt chẽ, chính xác, đầy đủ, kịp thời và đúng thời hạn quy định.

b) Quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có giá trị là văn bản gốc để các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh tiếp nhận, sử dụng làm cơ sở xây dựng dự thảo quyết định công bố, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành để thực hiện trên địa bàn tỉnh.

c) Quyết định công bố của Chủ tịch UBND tỉnh phải thống nhất với quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và đảm bảo bổ sung

đầy đủ các bộ phận tạo thành của TTHC quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND, UBND tỉnh.

Điều 3. Hình thức và nội dung Quyết định công bố TTHC

1. Hình thức của Quyết định công bố

Quyết định công bố TTHC là văn bản cá biệt được quy định gián tiếp (*Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này*), bao gồm:

- a) Quyết định;
- b) Danh mục TTHC mới ban hành; sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ;
- c) Nội dung cụ thể của từng TTHC (trong trường hợp công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế) và các tài liệu kèm theo (nếu có), gồm: mẫu đơn, mẫu tờ khai hành chính; phí, lệ phí; mẫu kết quả thực hiện TTHC; yêu cầu, điều kiện.

2. Nội dung của Quyết định công bố

a) Đối với TTHC mới ban hành, nội dung công bố phải bao gồm đầy đủ các thông tin sau:

- Các bộ phận tạo thành TTHC theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP;
- Văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC;
- Địa điểm thời gian thực hiện TTHC;

b) Đối với TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, ngoài việc công bố các bộ phận tạo thành TTHC, nội dung công bố phải xác định rõ bộ phận nào của TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng cách in nghiêng, gạch chân và có ghi chú “Phần in nghiêng, gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung/thay thế” ngay sau từng thủ tục; văn bản quy phạm pháp luật có quy định việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế TTHC;

c) Đối với TTHC bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ, nội dung công bố phải xác định rõ các thông tin sau đây:

- Tên TTHC bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ và số, ký hiệu hồ sơ TTHC nếu TTHC đã được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia;
- Văn bản quy phạm pháp luật có quy định việc hủy bỏ hoặc bãi bỏ TTHC.

Điều 4. Quy trình xây dựng, ban hành Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh

Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh được ban hành chậm nhất trước 05 (năm) ngày làm việc tính đến ngày văn bản hướng dẫn thực hiện thủ tục giải quyết công việc, văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh có quy định về TTHC có hiệu lực thi hành. Quy trình xây dựng, ban hành Quyết định công bố như sau:

1. Đối với trường hợp có bổ sung TTHC hoặc bổ sung bộ phận tạo thành của TTHC theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh.

a) Căn cứ vào Quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh bổ sung TTHC hoặc bộ phận tạo thành của TTHC, hoàn thành dự thảo Quyết định công bố trong thời hạn 02 (hai)

ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định công bố; đồng thời gửi dự thảo Quyết định công bố đến Sở Tư pháp kiểm soát chất lượng.

Hồ sơ dự thảo Quyết định công bố của cơ quan, đơn vị dự thảo gửi Sở Tư pháp để kiểm soát chất lượng, bao gồm:

- Văn bản đề nghị kiểm soát chất lượng dự thảo Quyết định công bố;
- Dự thảo Tờ trình ban hành Quyết định công bố;
- Dự thảo Quyết định công bố kèm theo TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

b) Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm soát về hình thức, nội dung dự thảo Quyết định công bố và gửi văn bản góp ý kiến trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo Quyết định công bố.

c) Cơ quan, đơn vị dự thảo Quyết định công bố tiếp thu, giải trình và hoàn thiện dự thảo Quyết định công bố, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý kiến của Sở Tư pháp.

Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ký Quyết định công bố bao gồm:

- Tờ trình ban hành Quyết định công bố;
- Dự thảo Quyết định công bố kèm theo TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.
- Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp (bản photocopy).

2. Trường hợp TTHC trong quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã đảm bảo đầy đủ các bộ phận tạo thành và văn bản hướng dẫn thực hiện thủ tục giải quyết công việc của HĐND, UBND tỉnh không có liên quan về TTHC đã được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ công bố thì các Sở, ban, ngành thông báo cho Sở Tư pháp trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định công bố; đồng thời trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố dưới hình thức “Bản sao y bản chính”; thực hiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và tổ chức ngay việc niêm yết TTHC đã công bố.

3. Quyết định công bố sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc ký xác thực theo quy định tại khoản 2 Điều này được gửi đến Sở Tư pháp và Cục Kiểm soát TTHC thuộc Bộ Tư pháp để theo dõi, quản lý; đồng thời công khai trên Trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, trang thông tin điện tử thành phần của các Sở, ban, ngành có TTHC được công bố và trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Điều 5. Quy trình xây dựng, ban hành Quyết định công bố TTHC giải quyết tại các Trung tâm Hành chính công

1. Công bố TTHC giải quyết tại Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh

Các Sở, ban, ngành có trách nhiệm xây dựng dự thảo Quyết định công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành đưa vào giải quyết tại Trung tâm Hành chính công tỉnh, gửi văn bản xin ý kiến Sở Tư pháp, sau đó tiếp thu ý kiến tham gia, hoàn chỉnh dự thảo Quyết định và trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định.

2. Công bố TTHC giải quyết tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện

a) UBND cấp huyện căn cứ Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh và tình hình thực tế của đơn vị mình tổng hợp danh mục và nội dung TTHC

thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện đưa vào giải quyết tại Trung tâm Hành chính công của địa phương, gửi văn bản đề nghị Sở Tư pháp kiểm soát chất lượng và trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC.

b) Trên cơ sở đề nghị của các địa phương, Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp, xây dựng dự thảo Quyết định công bố TTHC của UBND cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định.

3. Trường hợp TTHC đang giải quyết tại các Trung tâm Hành chính công cấp tỉnh và cấp huyện chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành thì các Sở, ban, ngành có trách nhiệm trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ, bãi bỏ theo quy định tại Khoản 1, Điều 4 Quy chế này.

4. Trong trường hợp TTHC thực hiện tại Trung tâm Hành chính công và TTHC thực hiện tại các đơn vị, địa phương được công bố chung trong một Quyết định thì phần danh mục TTHC trong dự thảo Quyết định công bố phải thể hiện rõ TTHC thực hiện tại Trung tâm Hành chính công, TTHC thực hiện tại đơn vị.

5. Sở Tư pháp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra giám sát việc niêm yết công khai và thực hiện TTHC tại Trung tâm hành chính công tỉnh và các Trung tâm hành chính công cấp huyện.

Mục 2

NIÊM YẾT CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 6. Yêu cầu đối với việc niêm yết công khai TTHC

1. TTHC sau khi được Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành phải được niêm yết công khai rõ ràng, đầy đủ và chính xác theo quy định tại Điều 16, Điều 17 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP. Việc niêm yết công khai phải tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, đồng thời thực hiện quyền giám sát đối với cán bộ, công chức trong quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC.

2. Việc niêm yết công khai TTHC phải được tổ chức thực hiện kịp thời, đúng ngày quyết định ban hành TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh có hiệu lực thi hành, đảm bảo đầy đủ các bộ phận tạo thành TTHC theo quy định, không niêm yết công khai các TTHC đã hết hiệu lực thi hành.

3. Trong trường hợp các TTHC được niêm yết công khai có mẫu đơn, mẫu tờ khai kèm theo thì các mẫu đơn, mẫu tờ khai phải được đính kèm ngay sau TTHC đó; bản giấy TTHC được niêm yết công khai phải bảo đảm không bị hư hỏng, rách nát, hoen ố.

Điều 7. Cách thức niêm yết công khai TTHC

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức việc công khai các TTHC đã được công bố, thuộc thẩm quyền giải quyết. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tổ chức việc công khai tại địa phương và các cơ quan chuyên môn cấp huyện, UBND cấp xã đối với TTHC chung áp dụng tại cấp huyện, cấp xã đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố. Cách thức niêm yết công khai TTHC được thực hiện thống nhất như sau:

1. Hình thức công khai bắt buộc:

1.1. Niêm yết công khai TTHC trên bảng theo một hoặc nhiều cách thức sau đây: bảng gắn trên tường, bảng trụ xoay, bảng di động...phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ quan, đơn vị. Vị trí đặt bảng phải thích hợp, không quá cao hoặc quá thấp để cá nhân dễ đọc, dễ tiếp cận. Nơi đặt bảng phải có khoảng trống đủ rộng để người đọc có thể tìm hiểu, trao đổi, ghi chép; không sử dụng kính, màng nhựa, lưới thép hoặc cửa có khóa để che chắn bảng niêm yết TTHC.

Bảng niêm yết TTHC có kích thước thích hợp, đảm bảo niêm yết đầy đủ các TTHC theo từng lĩnh vực và nội dung hướng dẫn về quyền phản ánh, kiến nghị và tiếp nhận phản ánh, kiến nghị (*Mẫu số 01, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này*).

1.2. TTHC gắn trên Bảng niêm yết được chia thành tập theo từng lĩnh vực, kết cấu như sau:

a) Danh mục TTHC theo lĩnh vực được ghi rõ tên TTHC và số thứ tự tương ứng của từng TTHC (*Mẫu số 02, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này*).

b) Nội dung của từng TTHC (*Mẫu số 03, Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này*) được in một mặt trên trang giấy tối thiểu là khổ A4, kèm theo mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có). Phông chữ sử dụng để trình bày là phông chữ tiếng Việt Unocode (Times New Roman), cỡ chữ tối thiểu là 14 theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6009:2001.

2. Ngoài hình thức công khai bắt buộc trên, việc công khai TTHC có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- Đăng tải trên cổng thông tin điện tử thành phần của cơ quan, đơn vị thực hiện TTHC.
- Tập hợp các TTHC theo lĩnh vực để đóng thành quyển đặt tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC hoặc tại nhà văn hóa cộng đồng hoặc tại nơi sinh hoạt cộng đồng của các thôn, làng, bản, ấp, khóm hoặc các địa điểm sinh hoạt cộng đồng khác.
- In tờ rơi, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.
- Sử dụng máy tính có kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC đặt tại nơi tiếp nhận và trả kết quả TTHC của các cơ quan, đơn vị.
- Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

3. Niêm yết nội dung hướng dẫn việc thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính (*Mẫu số 04, Phụ lục số II ban hành kèm theo Quyết định này*).

4. Sở Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn quy chuẩn, cách thức niêm yết công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC.

Chương II

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 8. Trách nhiệm, thời hạn, nội dung báo cáo định kỳ

1. UBND cấp xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và các đơn vị chuyên môn thuộc Sở, ngành định kỳ 06 tháng và 01 năm báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC thuộc phạm vi quản lý, giải quyết của cơ

quan, đơn vị mình (báo cáo định kỳ 01 năm được tổng hợp chung từ báo cáo 06 tháng đầu năm và báo cáo 06 tháng cuối năm), gửi Sở Tư pháp, cụ thể như sau:

a) UBND cấp xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và các đơn vị chuyên môn thuộc Sở, ngành có trách nhiệm báo cáo theo nội dung tại (*biểu mẫu số 06a và 07a, 7d (nếu có) tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này*);

b) Phòng Kiểm soát TTHC thuộc Sở Tư pháp có trách nhiệm báo cáo theo nội dung tại (*biểu mẫu số 02, 03, 04, 05 tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này*).

2. Thời điểm chốt số liệu báo cáo định kỳ 06 tháng và báo cáo định kỳ 01 năm thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 20/2013/TT-BTP, cụ thể như sau:

a) Kỳ báo cáo thống kê 06 tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm, gồm số liệu thống kê thực tế và số liệu thống kê ước tính.

- Số liệu thống kê thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 4 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế); số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01 tháng 5 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm.

b) Kỳ báo cáo thống kê 01 năm được thực hiện hai lần trong năm bao gồm:

- Báo cáo năm lần 1: Thời điểm lấy số liệu thống kê được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm, gồm số liệu thống kê thực tế và số liệu thống kê ước tính.

Số liệu thống kê thực tế được lấy từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 10 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế); số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01 tháng 11 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm;

- Báo cáo năm chính thức: Thời điểm lấy số liệu thống kê được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế).

3. Thời điểm gửi báo cáo định kỳ và báo cáo năm được thực hiện như sau:

a) Đối với UBND cấp xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và các đơn vị chuyên môn thuộc Sở, ban, ngành

- Báo cáo 06 tháng: gửi trước ngày 08 tháng 5 hàng năm;

- Báo cáo năm lần 1: gửi trước ngày 08 tháng 11 hàng năm;

- Báo cáo năm chính thức: gửi trước ngày 15 tháng 01 của năm sau năm báo cáo.

b) Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện; các Sở, ban, ngành sau khi nhận được báo cáo của các đơn vị trực thuộc, có trách nhiệm tổng hợp và gửi báo cáo đến Sở Tư pháp.

- Báo cáo 06 tháng: gửi trước ngày 14 tháng 5 hàng năm;

- Báo cáo năm lần 1: gửi trước ngày 14 tháng 11 hàng năm;

- Báo cáo năm chính thức: gửi trước ngày 25 tháng 01 của năm sau năm báo cáo.

c) Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo gửi UBND tỉnh:

- Báo cáo 06 tháng: gửi chậm nhất vào ngày 26 tháng 5 hàng năm;

- Báo cáo năm lần 1: gửi chậm nhất vào ngày 26 tháng 11 hàng năm;

- Báo cáo năm chính thức: gửi chậm nhất là ngày 20 tháng 02 của năm sau năm báo cáo.

4. Nội dung báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 05/2014/TT-BTP.

5. Ngoài nhiệm vụ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này, Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện và Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện báo cáo tổng hợp như sau:

a) Phòng Tư pháp thuộc UBND cấp huyện giúp UBND cấp huyện tổng hợp báo cáo của các đơn vị chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và báo cáo của UBND cấp xã trên địa bàn huyện theo nội dung tại các biểu mẫu số 06a, 07b, 07d (nếu có) Phụ lục III và tổng hợp về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC theo Đề cương báo cáo tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này;

b) Sở Tư pháp giúp UBND tỉnh tổng hợp báo cáo của các cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện và báo cáo của Phòng Kiểm soát TTHC thuộc Sở Tư pháp theo nội dung tại các biểu mẫu số 01, 02, 03, 04, 05 (nếu có), 06b, 07c, 07d (nếu có) tại Phụ lục III và tổng hợp về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC theo Đề cương báo cáo tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 9. Hình thức báo cáo và cách thức gửi báo cáo

Báo cáo được thực hiện bằng hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử, cụ thể như sau:

1. Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, đóng dấu xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức thực hiện chế độ báo cáo; được gửi theo đường bưu điện, fax hoặc gửi trực tiếp;

2. Báo cáo bằng văn bản điện tử là các tệp tin có thể chỉnh sửa, tái sử dụng (word, excel); các tệp tin PDF được lưu trữ dưới hình thức quét (scan) từ bản gốc.

Trường hợp báo cáo được gửi bằng văn bản điện tử dưới dạng word, excel, cơ quan gửi báo cáo phải kèm theo báo cáo dưới hình thức tệp tin PDF để so sánh, đối chiếu, bảo đảm tính chính xác của thông tin báo cáo.

Điều 10. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo và nhận báo cáo

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện chế độ báo cáo

a) Tổng hợp số liệu, lập và nộp báo cáo chính xác, đầy đủ, đúng hạn, đúng thẩm quyền và chịu trách nhiệm về các nội dung báo cáo theo quy định của pháp luật có liên quan, Thông tư số 05/2014/TT-BTP của Bộ Tư pháp;

b) Chỉnh lý hoặc bổ sung thông tin cần thiết có liên quan đến báo cáo khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức nhận báo cáo.

2. Trách nhiệm của cơ quan nhận báo cáo

a) Kiểm tra, đối chiếu, xử lý và tổng hợp thông tin từ các báo cáo gửi về;

b) Kịp thời yêu cầu cơ quan thực hiện báo cáo điều chỉnh, bổ sung những thông tin còn thiếu hoặc cần xác định lại tính chính xác trong nội dung báo cáo thống kê;

c) Tổng hợp và gửi báo cáo cho cấp có thẩm quyền về thông tin, số liệu về công tác thực hiện kiểm soát TTHC;

d) Chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP của Bộ Tư pháp và của Quy chế này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc công bố, niêm yết công khai TTHC và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC

1. Sở Tư pháp

- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm soát chất lượng dự thảo quyết định công bố TTHC do các Sở, ban, ngành xây dựng;

- Đôn đốc, theo dõi các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất (nếu có). Báo cáo kịp thời Chủ tịch UBND tỉnh để có biện pháp xử lý đối với những Sở, ban, ngành, địa phương không thực hiện đúng các quy định về việc trình công bố, niêm yết công khai TTHC và chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 7/02/2014 của Bộ Tư pháp.

- Tổng hợp tình hình kết quả công bố công khai các TTHC và việc đôn đốc, tổng hợp báo cáo của các đơn vị, địa phương, báo cáo UBND tỉnh.

- Phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan kiểm tra việc công khai và thực hiện TTHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành

- Trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố kịp thời TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo ngành, lĩnh vực quản lý của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

Các Sở, ban, ngành không trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố kịp thời các TTHC theo quy định tại Điều 4 Quy chế này phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh.

- Cập nhật, chỉnh sửa kịp thời bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị sau khi có Quyết định công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ do Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành; thực hiện việc niêm yết công khai, đầy đủ, kịp thời các TTHC tại trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị trực thuộc trực tiếp giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Chịu trách nhiệm về nội dung niêm yết công khai các TTHC tại đơn vị.

- Đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử thành phần đối với các TTHC thuộc phạm vi giải quyết của đơn vị.

- Chỉ đạo, giám sát cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc các TTHC đã được công bố, công khai khi giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức.

- Kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện TTHC theo ngành, lĩnh vực quản lý và thẩm định, tổng hợp các đề xuất đơn giản hóa TTHC của các đơn vị trực thuộc và các đơn vị cấp huyện, cấp xã báo cáo UBND tỉnh.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. UBND cấp huyện, cấp xã

- Cập nhật, chỉnh sửa kịp thời bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị sau khi có Quyết định công bố TTHC mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ do Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành; thực hiện việc

niêm yết công khai, đầy đủ, kịp thời các TTHC tại trụ sở cơ quan hành chính, đơn vị trực thuộc trực tiếp giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức. Chịu trách nhiệm về nội dung niêm yết công khai các TTHC tại địa phương.

- Tuyên truyền, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng của cấp huyện, cấp xã (đài truyền thanh, truyền hình, trang thông tin điện tử...) về TTHC và các quy định về TTHC đang được thực hiện tại địa phương, đơn vị để nhân dân biết, thực hiện.

- Chỉ đạo, giám sát cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm các TTHC đã được công bố, công khai khi giải quyết công việc cho cá nhân, tổ chức; thường xuyên rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC.

- UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc niêm yết công khai và thực hiện TTHC tại các đơn vị trực thuộc và tại UBND cấp xã.

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo quy định tại Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Quảng Ninh: Dành thời lượng phù hợp để tuyên truyền các quy định về TTHC và tình hình công khai, thực hiện TTHC của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh trong hoạt động công bố, công khai TTHC, chế độ báo cáo kết quả tuân thủ, giải quyết TTHC của cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc. Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về công tác niêm yết công khai, chế độ báo cáo, việc tuân thủ, giải quyết TTHC của cơ quan cấp huyện và UBND cấp xã.

2. Việc thực hiện đúng quy định về công bố, niêm yết công khai TTHC, chế độ báo cáo theo Quy chế này là một trong những tiêu chí để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, cá nhân trong việc xét khen thưởng định kỳ hàng năm.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp chung tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC, báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện Quy chế này; đề xuất UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung khi cần thiết.

4. Quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp tỉnh để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Huy Hậu

PHỤ LỤC I
MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2014
của UBND tỉnh Quảng Ninh)

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

..., ngày ... tháng ... Năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp
huyện/UBND cấp xã tỉnh Quảng Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát TTHC; Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết TTHC và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở X và Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã tỉnh Quảng Ninh.

UBND tỉnh giao Thủ trưởng Sở X/UBND cấp huyện căn cứ nội dung công bố TTHC để chỉ đạo xây dựng và phê duyệt trình tự giải quyết TTHC chi tiết đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 để tin học hóa việc giải quyết các TTHC.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày (đúng vào ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định chi tiết về TTHC có hiệu lực thi hành).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC, Bộ Tư pháp;
-
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký tên, dấu)

Nguyễn Văn A

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ X/UBND CẤP HUYỆN/UBND CẤP XÃ TỈNH QUẢNG NINH**
(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ...
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh)



PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Tên TTHC	TTHC thực hiện tại Trung tâm hành chính công
I. Lĩnh vực...		
1	Thủ tục a	
2	Thủ tục b	
n		
II. Lĩnh vực...		
1	Thủ tục c	
2	Thủ tục d	
n		

2. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁽²⁾	TTHC thực hiện tại Trung tâm hành chính công
I. Lĩnh vực...				
1		Thủ tục a		
2		Thủ tục b		
n				
II. Lĩnh vực...				
1		Thủ tục c		
2		Thủ tục d		
n				

*** Chú thích:**

- (1) Số hồ sơ TTHC (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC) của TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
- (2) Nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

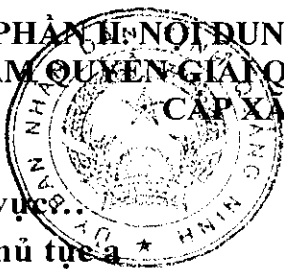
3. Danh mục TTHC bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở X/UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Số hồ sơ TTHC ⁽¹⁾	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC ⁽²⁾	TTHC thực hiện tại Trung tâm hành chính công
I. Lĩnh vực...				
1		Thủ tục a		
2		Thủ tục b		
n				
II. Lĩnh vực...				
1		Thủ tục c		
2		Thủ tục d		
n				

*** Chú thích:**

- (1) Số hồ sơ TTHC (trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC) của TTHC bị hủy bỏ, bãi bỏ.
- (2) Nêu rõ tên, số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành và trích yếu của văn bản quy phạm pháp luật quy định việc hủy bỏ, bãi bỏ TTHC.

**PHẦN II: NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ X/UBND CẤP HUYỆN/ UBND
CẤP XÃ TỈNH QUẢNG NINH**



I. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục a

- Trình tự thực hiện: *(bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC)*
- Cách thức thực hiện:
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
- Thời hạn giải quyết:
- Đối tượng thực hiện TTHC:
- Cơ quan thực hiện TTHC:
- Kết quả thực hiện TTHC:
- Lệ phí (nếu có):
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục a)*:
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):
- Căn cứ pháp lý của TTHC:

n. Thủ tục n

II. Lĩnh vực...

1. Tên thủ tục a

- Trình tự thực hiện: *(bao gồm cả thời gian, địa điểm thực hiện TTHC)*
- Cách thức thực hiện:
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
- Thời hạn giải quyết:
- Đối tượng thực hiện TTHC:
- Cơ quan thực hiện TTHC:
- Kết quả thực hiện TTHC:
- Lệ phí (nếu có):
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai *(nếu có và đề nghị đính kèm ngay sau thủ tục c)*:
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):
- Căn cứ pháp lý của TTHC:

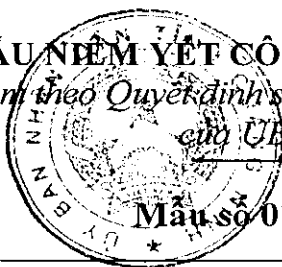
n. Thủ tục n

*** Lưu ý:**

- Đối với những TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, ngoài việc nêu rõ thông tin trên, phải xác định rõ bộ phận nào của TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế *(bằng cách in nghiêng, gạch chân và có ghi chú: "Phần chữ in nghiêng, gạch chân là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế" ngay sau từng thủ tục)*.

- Đối với những TTHC bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ, không phải thống kê theo nội dung nêu trên nhưng phải xác định rõ tên TTHC bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ. Trường hợp TTHC đã được đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Quyết định công bố phải ghi rõ số hồ sơ của hồ sơ TTHC, văn bản quy phạm pháp luật có quy định việc hủy bỏ hoặc bãi bỏ TTHC.

PHỤ LỤC II
MẪU NIÊM YẾT CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2014
của UBND tỉnh Quảng Ninh)



Mẫu số 01. Bảng niêm yết TTHC

**BẢNG NIÊM YẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI GIẢI
 QUYẾT CỦA... (Tên cơ quan/địa phương)**

**DANH MỤC TTHC
 LĨNH VỰC.....**

Stt	Tên TTHC	Trang
...		

**DANH MỤC TTHC
 LĨNH VỰC.....**

Stt	Tên TTHC	Trang
...		

**DANH MỤC TTHC
 LĨNH VỰC.....**

Stt	Tên TTHC	Trang
...		

**DANH MỤC TTHC
 LĨNH VỰC.....**

Stt	Tên TTHC	Trang
...		

**DANH MỤC TTHC
 LĨNH VỰC.....**

Stt	Tên TTHC	Trang
...		

**DANH MỤC TTHC
 LĨNH VỰC.....**

Stt	Tên TTHC	Trang
...		

**DANH MỤC TTHC
 LĨNH VỰC.....**

Stt	Tên TTHC	Trang
...		

**TIẾP NHẬN PHẢN
 ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ
 QUY ĐỊNH HÀNH
 CHÍNH**

Mẫu số 02. Danh mục TTHC lĩnh vực A

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	TRANG
01	Tên TTHC a1	1
02	Tên TTHC a2	2

Mẫu số 03. Nội dung từng TTHC được niêm yết

1. Tên TTHC 1

- Trình tự thực hiện:
- Cách thức thực hiện:
- Thành phần, số lượng hồ sơ:
- Thời hạn giải quyết:
- Đối tượng thực hiện TTHC:
- Cơ quan thực hiện TTHC:
- Kết quả thực hiện TTHC:
- Lệ phí (nếu có):
- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):
- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC (nếu có):
- Căn cứ pháp lý của TTHC:

2. Tên TTHC 2

...

Mẫu số 04.

Nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức

TIẾP NHẬN PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH

Sở Tư pháp UBND tỉnh Quảng Ninh mong nhận được phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo các nội dung sau đây:

- Những vướng mắc cụ thể trong thực hiện quy định hành chính do hành vi chậm trễ, gây phiền hà hoặc không thực hiện, thực hiện không đúng quy định hành chính của cơ quan, cán bộ, công chức nhà nước như: từ chối thực hiện, kéo dài thời gian thực hiện TTHC; tự ý yêu cầu, bổ sung, đặt thêm hồ sơ, giấy tờ ngoài quy định của pháp luật; sách nhiễu, gây phiền hà, đùn đẩy trách nhiệm; không niêm yết công khai, minh bạch TTHC hoặc niêm yết công khai không đầy đủ các TTHC tại nơi giải quyết TTHC; TTHC được niêm yết công khai đã hết hiệu lực thì hành hoặc trái với nội dung TTHC được đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC...

- Quy định hành chính không phù hợp với thực tế; không đồng bộ, thiếu thống nhất; không hợp pháp hoặc trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập; những vấn đề khác liên quan đến quy định hành chính.

- Đề xuất phương án xử lý những phản ánh nêu trên hoặc có sáng kiến ban hành mới quy định hành chính liên quan đến hoạt động kinh doanh, đời sống nhân dân.

Phản ánh, kiến nghị được gửi hoặc liên hệ theo địa chỉ sau:

- Tên cơ quan tiếp nhận: Sở Tư pháp
- Địa chỉ liên hệ: phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Số Fax: 033.3835226
- Số điện thoại chuyên dùng: 033.3839641
- Địa chỉ thư điện tử: thutuchanhchinh@quangninh.gov.vn

Lưu ý:

- Phản ánh, kiến nghị phải sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt; ghi rõ nội dung phản ánh, kiến nghị;

- Ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại (hoặc địa chỉ thư tín) của cá nhân, tổ chức có phản ánh, kiến nghị;

- Không tiếp nhận phản ánh, kiến nghị liên quan đến khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

PHỤ LỤC III
DANH MỤC BIỂU MẪU BÁO CÁO THỰC HIỆN
KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1271/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2014 của
UBND tỉnh Quảng Ninh)

STT	Ký hiệu biểu mẫu	Tên biểu	Đơn vị thực hiện	Đơn vị nhận báo cáo
I. Nhóm biểu mẫu về đánh giá tác động				
1	Biểu mẫu số 01	Kết quả đánh giá tác động TTHC tại địa phương	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)
II. Nhóm biểu mẫu về tham gia ý kiến				
2	Biểu mẫu số 02	Kết quả tham gia ý kiến về TTHC quy định trong các dự thảo VBQPPL tại địa phương	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)
III. Nhóm biểu mẫu kết quả thẩm định về TTHC				
3	Biểu mẫu số 03	Kết quả thẩm định về TTHC quy định trong các dự án, dự thảo văn bản QPPL tại địa phương	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)
IV. Nhóm biểu mẫu về công bố, công khai				
4	Biểu mẫu số 04	Số TTHC, VBQPPL được công bố, công khai tại địa phương	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)
V. Nhóm biểu mẫu rà soát, đơn giản hóa TTHC				
5	Biểu mẫu số 05	Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC tại địa phương	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)
VI. Nhóm biểu mẫu tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị				
6	Biểu mẫu số 06a	Kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính theo thẩm quyền	UBND cấp xã; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và các đơn vị chuyên môn thuộc Sở, ban, ngành.	Sở Tư pháp
7	Biểu mẫu số 06b	Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)

		về quy định hành chính		
VII. Nhóm biểu mẫu giải quyết TTHC				
8	Biểu mẫu số 07a	Tình hình, kết quả giải quyết TTHC tại cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC	UBND cấp xã; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và các đơn vị chuyên môn thuộc Sở, ban, ngành.	Sở Tư pháp
9	Biểu mẫu số 07b	Tình hình, kết quả giải quyết TTHC tại UBND cấp huyện	Phòng Tư pháp UBND thuộc huyện/thị xã/thành phố...	Sở Tư pháp (Phòng Kiểm soát TTHC)
10	Biểu mẫu số 07c	Tình hình, kết quả giải quyết TTHC tại địa phương	Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)
11	Biểu mẫu số 07d	Nguyên nhân quá hạn đối với các trường hợp tồn đọng trong giải quyết TTHC	- Phòng Tư pháp thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố; - Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp (Cục Kiểm soát TTHC)